

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 9 năm 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tuấn.

2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2024/TLST – HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” ngày 22 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: **Nhà I, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

(Chị **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **H** vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị **Lý Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn H** kết hôn với nhau năm 1999 tại **UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống hòa thuận. Sau này thì phát sinh mâu thuẫn

do anh **H** chỉ ở nhà mà không đi làm gì, hay uống rượu say và cãi nhau, chửi bới chị. Hiện nay, tuy cùng sống chung nhà nhưng thực tế đã sống ly thân, không còn chia sẻ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh **H**.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 2001, **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 2014 và **Nguyễn Thu T1**, sinh năm 2016. Cháu **Vân A** đã trưởng thành nên không yêu cầu gì, đối với cháu **H1** và cháu **T1** còn nhỏ, chị xin được nuôi cả 2 cháu để các cháu được ở cùng nhau, hiện nay làm tự do về bất động sản, thu nhập từ 15 triệu đến 20 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Chị không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh **H** chỉ ở nhà mà không làm ăn gì từ mấy năm nay, không có thu nhập gì, toàn bộ tiền sinh hoạt trong gia đình là do một mình chị đi làm mà có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh **Nguyễn Văn H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh kết hôn với nhau năm 1999 tại **UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ngay, năm 2020 chuyển về sống tại **nhà I, đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, thi thoảng anh có uống rượu nên chị **T** không đồng ý nên mới làm đơn xin ly hôn. Khoảng từ 02 năm nay trở lại đây vợ chồng anh đã không còn quan hệ vợ chồng, nhưng chị **T** vẫn quan tâm đến cuộc sống gia đình cùng các con và vẫn sống chung nhà. Nay chị **T** xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn yêu vợ thương con. Trường hợp chị **T** cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Nguyễn Vân A**, sinh năm 2001, **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 2014, **Nguyễn Thu T1**, sinh năm 2016. Hiện cả 3 con đang sinh sống cùng vợ chồng anh. Trường hợp phải ly hôn, đối với cháu **Vân A** đã trưởng thành nên anh không có ý kiến gì, đối với cháu **Nguyễn Đức H1** và **Nguyễn Thu T1**, anh đề nghị giao cả 02 con là **Nguyễn Đức H1**, **Nguyễn Thu T1** vì từ trước đến nay anh vẫn là người trực tiếp chăm sóc các con, hiện nay anh không đi làm gì, chỉ ở nhà chăm sóc các con. Chị **T** làm nghề kinh doanh đất, thu nhập bao nhiêu anh không rõ, nhưng hàng tháng chị **T** vẫn đưa tiền ăn uống, học tập của các con và sinh hoạt của gia đình cho anh. Trường hợp anh được quyền nuôi con thì anh không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Tại Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị **T**, anh **H** đang cư trú, được cung cấp như sau: Chị chị **T**, anh **H** là vợ chồng, sinh sống cùng 03 con tại địa phương; việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng địa phương không nắm rõ. Nay chị **T** xin ly hôn tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tòa án ghi lời khai của các con chưa thành niên của chị **T**, anh **H**, các cháu đều có nguyện vọng ở cùng nhau và ở cùng cả bố, mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại một số phiên hòa giải và các phiên tòa không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Thị T** được ly hôn anh **Nguyễn Văn H**.

+ Về con chung: Giao cho chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 2014 và **Nguyễn Thu T1**, sinh năm 2016.

+ Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn cư trú tại **thành phố B, tỉnh Bắc Giang**. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, qua lời trình bày của hai bên thì có đủ căn cứ xác định vợ chồng đã mâu thuẫn, tuy ở cùng nhà nhưng thực tế đã sống ly thân, không còn tình cảm gì. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không hòa giải được, bản thân chị T cương quyết xin ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

[4.1] Về quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Theo lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ căn cứ xác định chị T và anh H có 03 con chung là Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2001, Nguyễn Đứ vc H2, sinh năm 2014 và Nguyễn Thu T1, sinh năm 2016. Cháu Vân A đã trưởng thành, không ai có yêu cầu gì, không ai có yêu cầu gì về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đối với cháu Vân A nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu H2 và cháu T1, cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu H3 và T1 còn nhỏ, cách nhau 2 tuổi và vẫn sinh sống, ăn, ở cùng với nhau từ khi sinh ra đến nay nên việc để cho 2 cháu tiếp tục được sinh sống cùng nhau là tốt nhất cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của chị T và anh H. Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con của hai bên thì thấy, các cháu còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ bữa ăn, giấc ngủ, sinh hoạt hàng ngày, nên người mẹ, người phụ nữ sẽ đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng tốt hơn người cha; Hơn nữa, bản thân anh H không có công ăn việc làm, không có thu nhập gì, chị T có công việc, có điều kiện kinh tế ổn định, một mình chị đi làm để lo kinh tế cho cả gia đình nên chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi con tốt hơn anh H. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, phát triển bình thường và điều kiện tốt nhất cho các cháu, cần thiết giao cả hai con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình của Hội đồng thẩm phán- TAND Tối cao.

[4.2] Về quyền thăm nom con chung: Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình của Hội đồng thẩm phán- TAND Tối cao;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Thị T** được ly hôn anh **Nguyễn Văn H**.
2. Về con chung: Chị **Lý Thị T** được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 2014 và **Nguyễn Thu T1**, sinh năm 2016; Anh **Nguyễn Văn H** không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **H** thực hiện quyền này.
3. Về án phí: Chị **Lý Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001933 ngày 22/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.
5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam,
tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng